TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HSPT
Ngày: 23-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:17/2023/TLPT - HS, ngày 21/3/2023, đối với các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2023/HS – ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Chung K**, sinh ngày 06/6/1989 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chung Kh (đã chết) và bà Chung Thị N; Bị cáo không có vợ con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự (Ngày 02/4/2022 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cất giấu hung khí trong người nhằm mục đích gây thương tích cho người khác, với số tiền phạt là 2.500.000 đồng); Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 13/10/2022 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Chung K*: Luật sư Thái Sâm B, Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bị cáo **Huỳnh Thanh T**, sinh ngày 10/6/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện U, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn P (không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2022 đến ngày 02 tháng 4 năm 2022 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Bị cáo **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 21/10/1989 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã O, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Ph, sinh năm: 1965; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/3/2022 đến ngày 02 tháng 4 năm 2022 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Bị cáo **Bùi Thị X**, sinh năm 1978 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp V, xã X, huyện N, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn M,sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1955 ; có chồng (ly hôn) và có 01 người con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2022 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Bị cáo **Nguyễn Trung D**, sinh ngày 27/3/1989 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1963 và bà Châu Thị L, sinh năm: 1963; Bị cáo không có vợ con; Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án (Ngày 04/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tuyên phạm tội *"Đánh bạc"*, xử phạt số tiền 15.000.000 đồng); Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2022 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung D*: Luật sư Đặng Văn C, Văn phòng luật sư Đặng Văn C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

6. Bị cáo **Nguyễn Thị Bé Th**, sinh ngày 01/01/1975 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1943 (chết) và bà Đoàn Thị G, sinh năm: 1943 (chết); Bị cáo đã ly hôn với ông Huỳnh Công N và có 01 người con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2022 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Bị cáo **Hồng Thị C**, sinh ngày 01/01/1980 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Hồng Bé T, sinh năm: 1965 (không rõ cha bị cáo là ai); Bị cáo không có chồng con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2022 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8. Bị cáo **Lê Chí L**, sinh ngày 01/01/1989 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn O, sinh năm: 1969 và bà Dương Thị Ph, sinh năm: 1969 ; có vợ (ly hôn) và 01 người con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2022 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

9. Bị cáo **Đặng Thị Mỹ T**, sinh ngày 01/01/1975 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn G, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1956; có chồng và 02 người con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2022 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo gồm Lê Văn T, Trần Văn Vũ U, Lê Hoàng Ô, Phạm Trọng Ư, Nguyễn Văn R, Nguyễn Trung V, Lâm Thị S, Hồ Văn I, Trần Thị Q, do không có kháng cáo, không có kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 25/3/2022, Công an huyện C phát hiện nhà bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác T Càng) tại ấp D, xã A, huyện C có nhiều đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi tài - xỉu thắng, thua bằng tiền do bị cáo Lê Văn T đứng ra tổ chức và thu tiền xâu. Công an huyện C đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 15 người có mặt tại điểm đánh bạc để tiến hành điều tra làm rõ, các đối tượng còn lại đã bỏ chạy thoát. Quá trình điều tra, xác minh có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tổ chức đánh bạc của bị cáo Lê Văn T và việc đánh bạc của các bị cáo khác như sau:

Vào ngày 25/3/2022 bị cáo Lê Văn T tổ chức đánh bạc ở bên trong khu vực nhà sau và rủ rê nhiều người đến cùng tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi tài - xỉu thắng, thua bằng tiền để bị cáo thu lợi bất chính từ việc lấy tiền xâu. Để điểm đánh bạc không bị lực lượng Công an phát hiện, bị cáo Lê Văn T trực tiếp thuê bị cáo Lê Hoàng Ô canh gác điểm đánh bạc và phân công bị cáo Ô tìm nhiều người hỗ trợ bị cáo Ô canh gác điểm đánh bạc. Bị cáo Ô đã gặp trực tiếp bị cáo Trần Văn Vũ U, bị cáo Phạm Trọng Ư thuê tham gia canh gác điểm đánh bạc tại nhà bị cáo T, thì được bị cáo U và bị cáo Ư chấp thuận.

Nhiệm vụ của bị cáo Lê Hoàng Ô là canh gác phía trước nhà và tìm nhiều người tham gia hỗ trợ bị cáo Ô thực hiện nhiệm vụ canh gác ở những con đường xung quanh nhà của bị cáo T. Bị cáo Ô tìm gặp Trần Hữu G, bị cáo Trần Văn Vũ U và bị cáo Phạm Trọng Ư thuê, yêu cầu tham gia canh gác, cảnh giới nếu phát hiện có lực lượng chức năng (Công an, cơ quan có thẩm quyền) đến kiểm tra

điểm đánh bạc do bị cáo T tổ chức thì gọi điện thoại báo tin cho bị cáo Ô để bị cáo Ô ra tín hiệu, thông báo cho bị cáo T biết dừng ngay hành vi đánh bạc thì được Tính, bị cáo U và bị cáo Ư đồng ý. Bị cáo Ô bố trí Trần Hữu G, bị cáo Ư canh gác, cảnh giới cách nhà của bị cáo T từ 300 mét đến 500 mét, còn bị cáo Ô canh gác phía trước nhà bị cáo T, đón và đưa những người đến chơi đánh bạc đi ra khu vực nhà sau, dùng điện thoại gọi cho bị cáo T hoặc bị cáo U, để bị cáo U mở cửa cho các đối tượng vào chơi đánh bạc (bị cáo Ô phân công U ngồi bên trong nhà bị cáo T mở và đóng cửa khi những người chơi đánh bạc ra, vào). Nếu phát hiện có lực lượng Công an thì bị cáo Ô ra tín hiệu bằng cách dùng tay gõ nhẹ vào cánh cửa nhà sau để bị cáo T và những người tham gia đánh bên trong nhà nghe thấy, tạm dừng việc đánh bạc. Bị cáo Ô được bị cáo T trả công mỗi lần tham gia canh gác điểm đánh bạc số tiền 200.000 đồng/ngày. Bị cáo đã 05 (năm) lần tham gia canh gác, giúp sức cho bị cáo Lê Văn T tổ chức đánh bạc và nhận được số tiền công là 1.000.000 đồng. Ngày 25/3/2022 điểm đánh bạc bị bắt quả tang nên bị cáo chưa nhận tiền từ bị cáo T.

Bị cáo Trần Văn Vũ U được bị cáo Ô phân công ngồi ở cửa nhà sau nhận được điện thoại của bị cáo Ô thông báo có người đến chơi đánh bạc, trực tiếp mở cửa cho người chơi vào đánh bạc. Ngoài ra, bị cáo U còn được bị cáo T phân công phục vụ nước uống (trà đá) cho các con bạc. Khi có tín hiệu từ bị cáo Ô dùng tay gõ nhẹ vào cánh cửa nhà sau thông báo có lực lượng Công an đến kiểm tra thì bị cáo U báo lại cho bị cáo T hay biết yêu cầu mọi người tạm dừng việc đánh bạc, nhằm không để bị phát hiện và xử lý. Khi nhận được yêu cầu phục vụ điểm đánh bạc, kết thúc buổi đánh bạc thì bị cáo Ô sẽ gặp bị cáo T nhận tiền công để chi trả cho bị cáo U, số tiền 200.000 đồng/ngày. Bị cáo đã 03 (ba) lần tham gia canh gác, phục vụ cho bị cáo Lê Văn T tổ chức đánh bạc nhận được số tiền 600.000 đồng. Ngày 25/3/2022 điểm đánh bạc bị bắt quả tang nên bị cáo chưa nhận tiền từ bị cáo T.

Bị cáo Phạm Trọng Ư được bị cáo Ô phân công đến khu vực gần nhà ông B ngụ ấp D, xã A cách nhà bị cáo Lê Văn T khoảng 300 mét để thực hiện nhiệm vụ canh gác, cảnh giới nếu phát hiện lực lượng Công an thì gọi điện thoại báo tin để bị cáo Ô thông báo cho bị cáo Lê Văn T biết giải tán điểm đánh bạc. Khi kết thúc việc đánh bạc, bị cáo Ô sẽ gặp bị cáo T báo lại việc thuê bị cáo Ư tham gia canh đường và bị cáo Ô nhận tiền công từ bị cáo T để trả cho bị cáo Ư số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/ngày. Bị cáo đã 04 (bốn) lần tham gia canh gác và nhận được số tiền 800.000 đồng. Ngày 25/3/2022 điểm đánh bạc bị bắt quả tang nên bị cáo chưa nhận tiền từ bị cáo T.

Việc đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi tài - xỉu được quy ước như sau: Cửa Tài là tổng số điểm mặt trên của 03 viên xí ngầu từ 11 đến 18 điểm, cửa Xỉu là tổng số điểm mặt trên của 03 viên xí ngầu từ 03 điểm đến 10 điểm (mỗi viên xí ngầu có 06 mặt, in số điểm từ 01 đến 06 tương ứng với 06 mặt). Trường hợp đặc biệt, 03 mặt viên xí ngầu đều là 01 điểm gọi là "Bão Nhất", đều là 02 điểm gọi là "Bão Nhị", đều là 03 điểm gọi là "Bão Tam"; đều là 04 điểm gọi là "Bão Tứ", đều là 05 điểm gọi là "Bão Ngũ", đều là 06 điểm gọi là "Bão Lục". Khi người làm cái lắc ra ván bão thắng được tiền, sẽ trả tiền xâu cho bị cáo Lê

Văn T 50% số tiền thắng. Thời gian từ 13 giờ đến hơn 14 giờ ngày 25/3/2022 bị cáo Lê Văn T đã tổ chức cho bị cáo Chung K trực tiếp làm cái lắc tài - xỉu chơi đánh bạc thắng, thua với các bị cáo khác như sau:

1. Bị cáo Chung K: Vào khoảng 08 giờ ngày 25/3/2022 bị cáo Chung K sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen (bị cáo không nhớ số điện thoại) gọi điện thoại cho Lê Văn T hỏi có cho chơi lắc tài - xỉu tại nhà không để bị cáo đến tham gia, thì T cho biết khi nào có diễn ra đánh bạc sẽ điện thoại thông báo cho bị cáo biết. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, bị cáo nhận được điện thoại của T cho biết là có cho chơi đánh bạc tại nhà bị cáo T nên yêu cầu bị cáo đến nhà lắc tài - xỉu thắng thua bằng tiền với các con bạc, thì được bị cáo chấp thuận. Khi đi bị cáo mang theo bộ dụng cụ dùng để lắc tài - xỉu gồm: 03 (ba) hột xí ngầu có in chấm tròn từ 01 đến 06 ở mỗi mặt; 01 (một) nắp đậy màu đen - trắng; 01 (một) cái đĩa bằng sứ màu trắng và số tiền 70.000.000 để chơi đánh bạc dưới hình thức làm cái. Bị cáo một mình điều khiển xe mô tô loại Wave màu xanh (bị cáo không nhớ biển số) đến nhà T. Tại nhà bị cáo T, bị cáo gặp được bị cáo Nguyễn Văn R (tên gọi khác R đen) là bạn bè với bị cáo, nên bị cáo yêu cầu R làm vĩ giúp bị cáo và bị cáo hứa sẽ cho tiền công cho bị cáo R thì được R đồng ý. Khi chuẩn bị chơi đánh bạc, bị cáo lấy bộ dụng cụ lắc tài - xỉu mang theo để trước mặt làm nhà cái, rồi đưa số tiền 40.000.000 đồng cho bị cáo R để chung chi tiền cho người chơi đánh bạc thắng.

Bị cáo làm nhà cái lắc tài - xỉu được khoảng 30 phút thì bị thua tiền, bị cáo tiếp tục đưa cho bị cáo R số tiền còn lại là 30.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc cho đến khi công an ập vào kiểm tra. Như vậy tổng số tiền bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 70.000.000 đồng. Quá trình làm nhà cái bị cáo đã trực tiếp đánh bạc với các bị cáo Nguyễn Trung V, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A, Hồ Văn I, Lâm Thị S, Bùi Thị X, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Nguyễn Thị Bé Th, Lê Chí L, Trần Thị Q và Lê Văn T.

2. Bị cáo Nguyễn Văn R được bị cáo Chung K nhờ trực tiếp làm vĩ, giúp sức trong việc quản lý thu, chi tiền đánh bạc do Chung K làm nhà cái. Bị cáo được bị cáo Chung K đưa tiền hai lần là 70.000.000 đồng để giúp bị cáo K đánh bạc. Quá trình đánh bạc diễn ra nhiều ván, trong đó có xảy ra 02 (hai) ván "Bão" như sau: Ván thứ nhất bị cáo K làm cái lắc ra "Bão Nhất" (cửa xỉu) thắng được số tiền là 7.000.000 đồng, bị cáo K trả tiền công tổ chức cho bị cáo Lê Văn T số tiền 3.500.000 đồng và tiền công giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn R là 500.000 đồng, bị cáo K giữ số tiền thắng được còn lại 3.000.000 đồng; Ván thứ hai bị cáo K làm cái lắc ra "Bão lục" (cửa tài) thắng được số tiền là 3.000.000 đồng, bị cáo K trả tiền công tổ chức cho bị cáo Lê Văn T số tiền 1.500.000 đồng và tiền công giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn R là 500.000 đồng, bị cáo K giữ số tiền thắng được còn lại 1.000.000 đồng. Bị cáo K làm cái lắc tài - xỉu đến hơn 14 giờ ngày 25/3/2022, bị cáo R xác định số tiền được bị cáo K đưa đã bị thua các con bạc, còn lại khoảng 30.000.000 đồng, khi lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang điểm đánh bạc bị cáo R và bị cáo K cùng nhau bỏ chạy thoát, bị cáo R ném bỏ lại số tiền tại khu vực đánh bạc, đến ngày 26/3/2022 bị cáo R đến Cơ quan điều tra đầu thú và giao nộp số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

3. Bị cáo Nguyễn Trung V mang theo số tiền 2.700.000 đồng sử dụng đánh bạc với nhà cái là bị cáo K, tham gia đặt tiền cược khoảng 07 ván đến 08 ván; đặt cược thấp nhất số tiền 200.000 đồng, cao nhất số tiền 500.000 đồng/ván; ván cuối đặt cược số tiền 200.000 đồng thì bị bắt quả tang, tạm giữ số tiền còn lại trên người là 2.500.000 đồng, kết quả thua 200.000 đồng.

4. Bị cáo Huỳnh Thanh T mang theo số tiền 16.000.000 đồng sử dụng đánh bạc với nhà cái là bị cáo K, tham gia đặt tiền cược vào nhiều ván bạc, ván thứ nhất bị cáo đặt cược số tiền 5.000.000 đồng vào cửa tài, kết quả bị cáo thua tiền. Bị cáo tiếp tục tham gia đặt cược nhiều ván, thấp nhất 1.000.000 đồng, cao nhất 1.5000.000 đồng/ván. Kết quả bị cáo thua số tiền 1.500.000 đồng, còn lại 14.500.000 đồng thì bị cáo nghỉ đánh bạc và ở lại khu vực đánh bạc đến khi lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo bỏ chạy khỏi chiếu bạc, làm rơi mất số tiền 14.500.000 đồng.

5. Bị cáo Nguyễn Hoàng A mang theo số tiền 2.700.000 đồng sử dụng đánh bạc với nhà cái là bị cáo K, tham gia đặt tiền cược khoảng 07 đến 08 ván, đặt cược thấp nhất 200.000 đồng, cao nhất số tiền 300.000 đồng/ván. Trong đó, tại ván thứ ba bị cáo đặt cược cửa Tài cùng nhiều người khác (bị cáo không biết tên) số tiền 300.000 đồng, nhà cái lắc ra "Bão nhất" (cửa xỉu), kết quả nhà cái thắng được số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục tham gia nhiều ván bạc, còn lại số tiền 1.900.000 đồng, kết quả bị thua số tiền là 800.000 đồng thì bị cáo nghỉ đánh bạc, tiếp tục ở lại điểm đánh bạc đến khi lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang.

6. Bị cáo Hồ Văn I khi đến điểm đánh bạc mang theo số tiền 61.000.000 đồng, bị cáo lấy ra số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc với nhà cái là bị cáo K và bị cáo tham gia đặt tiền cược 05 (năm) ván bạc, đặt cược thấp nhất 500.000 đồng, cao nhất 1.000.000 đồng/ván. Kết quả bị cáo thắng được số tiền 2.500.000 đồng, ván cuối bị cáo tham gia đặt cược số tiền 1.000.000 đồng, chưa có kết quả thắng, thua thì có lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang, bị cáo ném bỏ số tiền 1.500.000 đồng vào chiếu bạc và bị tạm giữ trên người số tiền 61.000.000 đồng.

7. Bị cáo Lâm Thị S khi đến điểm đánh bạc mang theo số tiền 1.080.000 đồng để đánh bạc với nhà cái là bị cáo K, tham gia đặt tiền cược nhiều ván, mỗi ván đặt 200.000 đồng, trong đó có một ván bị cáo đặt số tiền 200.000 đồng vào cửa tài, kết quả người làm cái lắc ra bão nhất (cửa xỉu), bị cáo thua số tiền 200.000 đồng ván cuối bị cáo đặt cược số tiền 200.000 đồng vào cửa tài, chưa có kết quả thắng, thua thì có lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang. Kết quả bị cáo thua số tiền 600.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 200.000 đồng, bị tạm giữ số tiền trên người là 280.000 đồng.

8. Bị cáo Bùi Thị X: Vào sáng ngày 25/3/2022 bị cáo S dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, số sim 0939198867 liên lạc với bị cáo Nguyễn Trung D với nội dung hỏi bị cáo D là bị cáo Lê Văn T có cho chơi tài - xỉu không để bị cáo đến tham gia đánh bạc, bị cáo D cho biết là có diễn ra chơi đánh bạc. Bị cáo X mang theo số tiền 3.120.000 đồng đến nhà bị cáo T để đánh bạc, trả tiền đi xe honda khách là 50.000 đồng, còn lại số tiền 3.070.000 đồng bị

cáo X dụng đánh bạc với nhà cái là bị cáo K. Bị cáo tham gia đặt tiền cược vào nhiều ván bạc, đặt mỗi ván thấp nhất 100.000 đồng, cao nhất 200.000 đồng. Kết quả bị thua chỉ còn lại 270.000 đồng. Do không đủ tiền chơi đánh bạc, bị cáo tự tháo lấy 04 (bốn) chiếc vòng đeo tay (loại vòng simen) vàng 18K của bị cáo nhờ bị cáo D mang đi cầm tại xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long lấy tiền để bị cáo X dụng chơi đánh bạc, thì được bị cáo D đồng ý. Bị cáo D mang 04 (bốn) chiếc vòng đeo tay của bị cáo X đến tiệm vàng T, do bà Cao T, sinh năm 1971 nơi cư trú ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long làm chủ cầm được số tiền 8.000.000 đồng. Nhận được tiền bị cáo D mang về đưa toàn bộ số tiền cầm vàng có được cho bị cáo X để bị cáo X tiếp tục chơi đánh bạc. Bị cáo X tiếp tục sử dụng số tiền 8.270.000 đồng tham gia đặt tiền nhiều ván bạc, cho đến khi lực lượng Công an đến kiểm tra, bắt quả tang, bị cáo X bỏ chạy đánh rơi số tiền 7.000.000 đồng bên trong nhà bị cáo Lê Văn T, nhưng không xác định được vị trí nào.

9. Bị cáo Nguyễn Trung D: Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 25/3/2022 bị cáo Nguyễn Trung D đến nhà bị cáo Lê Văn T mục đích để cầm cố tài sản của người chơi đánh bạc (bị cáo nhận cầm điện thoại và xe mô tô). Trong lúc bị cáo D có mặt tại nhà bị cáo T, thì nhận được điện thoại của bị cáo Bùi Thị X hỏi nhà bị cáo T có chơi đánh bạc không để bị cáo X đến tham gia, thì bị cáo D cho biết là có diễn ra đánh bạc. Sau đó, bị cáo D thấy bị cáo X đến và vào bên trong nhà bị cáo T chơi đánh bạc, thời gian bao lâu bị cáo không xác định thì bị cáo X từ bên trong điểm đánh bạc đi ra gặp bị cáo D đưa 04 (bốn) chiếc vòng đeo tay (loại vòng simen) vàng 18K. Bị cáo hỏi "Bà thua hết tiền rồi hả" bị cáo X trả lời "Ừ bị thua hết" và nhờ bị cáo đem vàng của bị cáo X đi cầm để bị cáo X tiếp tục sử dụng chơi đánh bạc trái phép, thì được bị cáo D đồng ý. Bị cáo D mang 04 (bốn) chiếc vòng đến tiệm vàng T tại ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long cầm được số tiền 8.000.000 đồng, nhận được tiền bị cáo D mang về đưa lại toàn bộ số tiền cầm vàng có được cho bị cáo X để bị cáo X tiếp tục chơi đánh bạc. Bị cáo D đi cùng bị cáo X vào bên trong điểm đánh bạc, mục đích chờ nhận tiền công đi cầm vàng giúp cho bị cáo X thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, bắt quả tang. Số tiền 20.000.000 đồng thu giữ bên trong sọt rác nhà vệ sinh của bị cáo Lê Văn T là tiền cá nhân của bị cáo D mang theo để cầm đồ cho những người chơi đánh bạc, không liên quan đến vụ án.

10. Bị cáo Đặng Thị Mỹ T: Khoảng 13 giờ ngày 25/3/2022 bị cáo cùng với bị cáo Hồng Thị C đến nhà bị cáo Lê Văn T chơi đánh bạc trái phép với nhà cái Chung K. Bị cáo mang theo số tiền là 200.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo tham gia đặt cược 02 (hai) ván bạc, mỗi ván đặt cược số tiền 100.000 đồng vào cửa tài và bị thua cả 02 (hai) ván bạc nên bị cáo nghỉ đánh bạc, tiếp tục ở lại điểm đánh bạc đến khi bị bắt quả tang.

11. Bị cáo Hồng Thị C: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25/3/2022 bị cáo cùng bị cáo Đặng Thị Mỹ T đến nhà bị cáo Lê Văn T chơi đánh bạc trái phép với nhà cái Chung K. Bị cáo sử dụng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, đặt cược khoảng 10 (mười) ván bạc, đặt thấp nhất 100.000 đồng và cao nhất 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc bị cáo đặt cược số tiền 100.000 đồng vào cửa Tài, cùng với nhiều người khác, bị cáo không xác định là ai, kết quả nhà cái

Chung K lắc ra ván bão xỉu (bão nhất) bị cáo bị thua tiền, bị cáo K thắng được số tiền 7.000.000 đồng. Bị thua tiền nên bị cáo nghỉ chơi đánh bạc và tiếp tục ở lại điểm đánh bạc đến khi lực lượng Công an đến kiểm tra, bắt quả tang bị cáo thua số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 900.000 đồng.

12. Bị cáo Nguyễn Thị Bé Th: Vào khoảng 13 giờ ngày 25/3/2022 bị cáo đến nhà bị cáo Lê Văn T thấy có nhiều người chơi đánh bạc trái phép dưới hình thức tài xỉu được thắng, thua bằng tiền do Chung K làm cái và bị cáo Nguyễn Văn R làm vĩ. Khi đi đến điểm đánh bạc, bị cáo mang theo số tiền 11.000.000 đồng, bị cáo S dụng số tiền 400.000 đồng để chơi đánh bạc thắng, thua với nhà cái là Chung K. Bị cáo tham gia đánh bạc 02 (hai) ván, mỗi ván đặt cược số tiền 100.000 đồng vào cửa tài, kết quả nhà cái lắc ra cửa xỉu nên bị cáo thua tiền nhà cái cả 02 (hai) ván bạc với số tiền 200.000 đồng. Sau đó, nhà cái tiếp tục lắc ván kế tiếp, bị cáo chưa kịp đặt tiền thì có lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện điểm đánh bạc, bị cáo bỏ chạy đánh rơi số tiền 200.000 đồng tại vị trí nào bị cáo không xác định. Sau đó bị cáo chạy vào bên trong căn phòng nhà bị cáo Lê Văn T cùng bị cáo Trần Thị Q và bị cáo Nguyễn Trung V, bị cáo cất giấu số tiền của mình đang quản lý là 10.600.000 đồng vào khe giấy dán tường thì bị phát hiện tạm giữ.

13. Bị cáo Lê Chí L: Vào khoảng 13 giờ ngày 25/3/2022 bị cáo tự đến nhà bị cáo Lê Văn T để tham gia đánh bạc trái phép với nhà cái Chung K. Bị cáo xem đánh bạc khoảng 15 phút, thì sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo tham gia đặt cược khoảng 20 ván có thắng và thua tiền, đặt cược thấp nhất 200.000 đồng, cao nhất 500.000 đồng. Bị cáo tham gia chơi đánh bạc đến khi lực lượng Công an đến bắt quả tang, bị cáo thua hết số tiền 2.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng.

14. Bị cáo Trần Thị Q: Bị cáo thừa nhận vào ngày 25/3/2022 bị cáo có đến nhà bị cáo Lê Văn T với mục đích để bán vé số kiến thiết. Khi đến nhà bị cáo Lê Văn T thì bị cáo không có đem theo tiền và không tham gia đánh bạc. Bị cáo chỉ đứng xem những người khác đánh bạc.

15. Bị cáo Lê Văn T: Ngoài việc tổ chức đánh bạc, ngày 25/3/2022 bị cáo Lê Văn T còn tham gia đánh bạc. Khi bị cáo K lắc ra ván bão xỉu, bị cáo được bị cáo K trả số tiền xâu là 3.500.000 đồng, bị cáo sử dụng 3.000.000 đồng đặt cược, kết quả bị thua. Tuy nhiên bị cáo là người tổ chức điểm đánh bạc nên nhận lại được từ Chung K 50% số tiền bão là 1.500.000 đồng. Bị cáo tiếp tục sử dụng số tiền còn lại 2.000.000 đồng, tham gia đặt cược khoảng 05 ván bị thua hết tiền. Ngoài việc tổ chức cho bị cáo Chung K và các con bạc tham gia đánh bạc như đã nêu ở trên thì trong khoảng thời gian từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ bị cáo Lê Văn T còn tổ chức cho Nguyễn Minh Ph, sinh năm 1977 nơi cư trú ấp D, xã A, huyện C và người đàn ông tên Đ ở xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long làm nhà cái lắc tài xỉu. Quá trình làm cái chơi tài - xỉu, không có ván bão nên nhà cái không đưa tiền công tổ chức đánh bạc cho bị cáo Lê Văn T; các bị cáo trong vụ án không dùng tiền tham gia đánh bạc với Ph và Đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2023/HS – ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo bị cáo Chung K 04 (bốn) năm tù, phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị X 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Chí L 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồng Thị C 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé Th 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị Mỹ T 03 (ba) năm tù, phạt

bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Văn T về tội " Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc", xử phạt các bị cáo Lê Hoàng Ô, Trần Văn Vũ U, Phạm Trọng Ư về tội " Tổ chức đánh bạc" các bị cáo Nguyễn Trung V, Nguyễn Văn R, Hồ Văn I, Lâm Thị S, Trần Thị Q về tội " Đánh bạc" và xử lý vật chứng, tiền thu lợi bất chính, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/02/2023 bị cáo Huỳnh Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/02/2023 bị cáo Chung K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/02/2023 bị cáo Nguyễn Hoàng A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/02/2023 các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không kêu oan và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc hôm nay các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, riêng đối với bị cáo Hồng Thị C, Nguyễn Trung D cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận vào ngày 25/3/2022 đã có hành vi đánh bạc trái phép, ăn thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu tại nhà bị cáo Lê Văn T tại ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong quá trình điều tra đã chứng minh tổng số tiền dùng đánh bạc 121.150.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm quy kết các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A phạm tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Chung K 04 (bốn) năm tù, bị cáo Huỳnh Thanh T 03 (ba) năm tù, bị cáo Bùi Thị X 03 (ba) năm tù, bị cáo Lê Chí L 03 (ba) năm tù, bị cáo Hồng Thị C 03 (ba) năm tù, Nguyễn Trung D 03 (ba) năm tù, bị cáo Nguyễn Hoàng A 03 (ba) năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Bé Th 03 (ba) năm tù, bị cáo Đặng Thị Mỹ T 03 (ba) năm tù là đã đánh giá đúng tính chất vụ án. Tại phiên tòa phúc hôm nay các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, riêng đối với bị cáo Hồng Thị C, Nguyễn Trung D cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng không làm thay đổi về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều

356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Chung K: Bị cáo Chung K tham gia đánh bạc nên cấp sơ thẩm xét xử về tội danh và khung hình phạt là đúng quy định, tuy nhiên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù là nghiêm khắc đối với bị cáo, mong Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ngay sau khi phạm tội bị cáo luôn khai nhận rõ ràng, chính xác hành vi phạm tội với cơ quan điều tra, hoàn cảnh gia bị cáo khó khăn, phải nuôi mẹ già, vợ bị cáo mới sanh con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Chung K giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được về nuôi mẹ già và lo cho con.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung D: Bị cáo Trung D tham gia giúp sức cho bị cáo X đánh bạc nên cấp sơ thẩm xét xử về tội danh và khung hình phạt là đúng quy định, tuy nhiên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D 03 năm tù và phạt bổ sung 15.000.000 đồng là quá nghiêm khắc đối với bị cáo vì bị cáo phạm tội với vai trò người giúp sức bị cáo đi cầm vàng giùm cho bị cáo X số tiền 8.000.000đ cho bị cáo X tham gia đánh bạc, bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc, thời điểm bị cáo đi cầm vàng cho bị cáo X bị cáo không biết hành vi cầm vàng giùm cho bị cáo X là hành vi vi phạm pháp luật nên cần xem xét nhận thức bị cáo có phần hạn chế, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ngay sau khi phạm tội và trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo luôn khai nhận rõ ràng, chính xác hành vi phạm tội của mình. Nếu bị cáo D có giúp sức cho bị cáo X hay không thì bị cáo X vẫn phạm tội đánh bạc, do đó vai trò bị cáo D là không đáng kể, khi xét sơ thẩm cấp sơ thẩm chưa áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như gia đình bị cáo có nhiều người tham gia Cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung D, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, Tòa án cấp sơ thẩm phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trung D 15.000.000 đồng, xét thấy bị cáo D phạm tội với vai trò người giúp sức nên việc cấp sơ thẩm phạt bổ sung bị cáo là chưa đúng quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D: Xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Huỳnh Thanh T, Chung K, Nguyễn Hoàng A các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo là còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa hôm nay bị cáo Chung K đã thừa nhận vào ngày 25/3/2022 đã có hành vi đánh bạc trái phép, ăn thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu tại nhà bị cáo Lê Văn T, bị cáo làm nhà cái và trả tiền xâu cho bị cáo Lê Văn T 5.000.000 đồng; các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A khai nhận trực tiếp tham gia cùng các bị cáo khác đánh bạc ăn thua bằng tiền với nhà cái là bị cáo Chung K vào ngày 25/3/2022 tại nhà bị cáo Lê Văn T, với tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc đã được chứng minh là 121.150.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Trung D không trực tiếp đánh bạc ăn thua bằng tiền nhưng bị cáo là người đi cầm vàng cho bị cáo X số tiền 8.000.000đ để bị cáo X đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang, như vậy các lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản hiện trường, lời khai của các bị cáo khác không có kháng cáo trong vụ án. Do đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A phạm tội "Đánh bạc", hành vi của bị cáo D phạm tội "Đánh bạc" với vai trò giúp sức trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo và định lượng chứng minh được trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A là nguy hiểm cho xã hội, bản thân các bị cáo nhận thức được việc đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu được thắng, thua bằng tiền là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không những gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương mà còn ảnh hưởng đến thực hiện đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng nông thôn mới, nông thôn nâng cao và tội phạm tổ chức đánh bạc và đánh bạc trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tiếp tục gia tăng gây nhiều bức xúc trong nhân dân, trong dư luận nên các cáo bị cáo đánh bạc rất kính đáo, có phân công lực lượng canh gác, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là rất lớn, tham gia rất đông người để kéo giảm loại tội phạm này phục vụ cho nhiệm vụ chính trị tại địa phương Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt các bị cáo tù có thời hạn là đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và đánh giá đúng tính chất vụ án và đánh giá đúng tình hình tội phạm đánh bạc gia tăng trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh và hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là hình phạt khởi điểm của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố nên không nặng, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo trình bày các căn cứ xin giảm nhẹ hình phạt và đưa ra các lý do giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Riêng bị cáo Hồng Thị C

cung cấp giấy bị cáo bị bệnh, bị cáo Nguyễn Trung D cung cấp giấy xác nhận gia đình có công với cách mạng, các tình tiết này qua xem xét cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho hai bị cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận áp dụng cho hai bị cáo, tuy nhiên tình tiết giảm nhẹ mà hai bị cáo cung cấp là thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo nhưng không làm thay đổi về mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với hai bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo của các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Trung D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo được Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét trong quá trình nghị án, tuy nhiên để đáp ứng cho nhiệm vụ chính trị tại địa phương trong việc xây dựng nông thôn mới hiện nay và kéo giảm tình hình liên quan đến đánh bạc trong địa bàn tỉnh Trà Vinh nói chung và địa bàn huyện C nói riêng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung D. Đối với bị cáo Chung K là bị cáo đầu vụ, là người trực tiếp đem dụng cụ và dùng số tiền 70.000.000 đồng để tham gia đánh bạc và bị cáo tham gia từ đầu đến khi bị lực lượng Công an phát hiện bắt, do đó cần phải xử lý nghiêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chung K.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị X, Nguyễn Thị Bé Th, Đặng Thị Mỹ T, Hồng Thị C, Lê Chí L, Nguyễn Trung D, Chung K, Huỳnh Thanh T, Nguyễn Hoàng A không được chấp nhận nên các bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo Bùi Thị X, bị cáo Nguyễn Thị Bé Th, bị cáo Đặng Thị Mỹ T, bị cáo Hồng Thị C, bị cáo Lê Chí L, bị cáo Nguyễn Trung D, bị cáo Chung K, bị cáo Huỳnh Thanh T, bị cáo Nguyễn Hoàng A.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2023/HSST ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị X, bị cáo Nguyễn Thị Bé Th, bị cáo Đặng Thị Mỹ T, bị cáo Hồng Thị C, bị cáo Lê Chí L, bị cáo Nguyễn Trung D, bị cáo Chung K, bị cáo Huỳnh Thanh T, bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội " Đánh bạc".

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo bị cáo Chung K 04 (bốn) năm tù, phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/10/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị X 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí L 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồng Thị C 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé Th 03 (ba) năm tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38; của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Mỹ T 03 (ba) năm tù,

phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Thị X, bị cáo Nguyễn Thị Bé Th, bị cáo Đặng Thị Mỹ T, bị cáo Hồng Thị C, bị cáo Lê Chí L, bị cáo Nguyễn Trung D, bị cáo Chung K, bị cáo Huỳnh Thanh T, bị cáo Nguyễn Hoàng A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam CA Tỉnh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành